**CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ**

1. **KTTT Định hướng XHCN ở Việt Nam**

* ***Thế giới có 3 mô hình KTTT***: Tự do, Xã hội và KTTT XHCN (Trung Quốc, Việt Nam) 🡪 không có mô hình KTTT chung cho tất cả các quốc gia
* ***Nhận thức của Đảng về KTTT***:
* Trước 1986: không thừa nhận KTTT, cho rằng KTTT là của CNTB
* Từ 1986- nay: thừa nhận KTTT, cho rằng Việt Nam cần thiết và có thể phát triển KTTT để đi lên CNXH
* Đại hội 12 (2016) đưa ra định nghĩa về KTTT Định hướng XHCN ở Việt Nam
* ***Khái niệm KTTT ĐH XHCN ở Việt Nam*** là nền kinh tế:
* Vận hành theo các quy luật thị trường
* Hướng tới mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”
* Có sự quản lý của Nhà nước
* Do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo
* ***Tính tất yếu Việt Nam phát triển KTTT ĐH XHCN*** (tại sao phải phát triển KTTTĐHXHCN):
* Phân công lao động ngày càng sâu sắc 🡪 Năng suất lao động tăng, sản phẩm dư thừa, nhu cầu trao đổi hàng hóa 🡪 phát triển KTTT là tất yếu
* Nền kinh tế của nước ta có nhiều hình thức sở hữu 🡪 hình thành nhiều thành phần kinh tế 🡪 các thành phần kinh tế tồn tại độc lập và có lợi ích riêng 🡪 lợi ích của họ đạt được thông qua quan hệ trao đổi hàng hóa – tiền tệ và trên thị trường
* Khi sản xuất trao đổi vượt ra phạm vi quốc gia 🡪 quan hệ hàng hóa – tiền tệ càng quan trọng
* Phù hợp với xu hướng phát triển khách quan:

🡪VN có đủ điều kiện (KT hàng hóa, vị trí địa lý, tài nguyên);

🡪Đi lên CNXH là xây dựng XH tốt đẹp, giàu có hơn 🡪 KTTT góp phần thúc đẩy LLSX 🡪 xây dựng CSVC cho CNXH

* Do tính ưu việt của KTTT: kích thích sáng tạo, phân bổ nguồn lực hợp lý,…
* Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân (vì mục tiêu “DG, NM, DC, CB, VM”)
* ***Đặc trưng của KTTT ĐH XHCN ở Việt Nam***
* **Về mục tiêu**: Phát triển LLSX (KHKT) nhằm xây dựng CSVC KT cho CNXH 🡪 nâng cao đời sống ND 🡪 thực hiện đồng thời 5 mục tiêu “DG, NM, DC, CB, VM”
* **Về Quan hệ Sở hữu và các thành phần kinh tế**:

🡪Từ 2 hình thức sở hữu (công, tư nhân) 🡪 hình thành nên 4 thành phần kinh tế (Nhà nước, tập thể, tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài)

🡪 SH nhà nước đóng vai trò chủ đạo, SH tư nhân là động lực quan trọng cho sự phát triển

🡪Nhà nước chủ đạo vì: nắm lĩnh vực then chốt; quản lý, điều tiết nền kinh tế

🡪 4 thành phần kinh tế cùng phát triển, bình đẳng trước pháp luật

* Về quan hệ quản lý: Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý nền kinh tế

🡪Là nhà nước của dân, do dân và vì dân

🡪Đặt dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam

🡪Hướng tới mục tiêu “DG, NM, DC, CB, VM”

🡪Nhà nước sửa chữa những khuyết tật của thị trường

🡪Nhà nước quản lý theo nguyên tắc: kết hợp Kế hoạch với thị trường

* **Về quan hệ phân phối**:

🡪Nhiều hình thức phân phối: Phân phối theo lao động; Theo hiệu quả sử dụng yếu tố SX; theo hiệu quả kinh tế; Theo mức đóng góp vốn; Theo quỹ Phúc lợi XH

🡪**Trong đó phân phối theo lao động là chủ yếu**

* **Về quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng XH**

🡪Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững: phát triển kinh tế gắn với phát triển XH (không gây ô nhiễm môi trường, rút ngắn khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp trong XH, khai thác tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả)

* ***Việt Nam chưa được thế giới chính thức coi là nước có nền KTTT do thể chế KTTT của chúng ta chưa hoàn thiện***
* ***Thể chế KTTT ĐH XHCN ở Việt Nam***:

🡪Là hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật

🡪Nhằm điều chỉnh chức năng hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động của các chủ thể kinh tế

🡪Hướng tới xác lập đồng bộ: các yếu tố thị trường, các loại thị trường 🡪 theo hướng hiện đại

🡪Góp phần thúc đẩy: “DG, NM, DC, CB, VM”

* ***Các yếu tố cấu thành thể chế KTTT ĐH XHCN***:
* Thể chế về các yếu tố thị trường và các loại thị trường (sân chơi)

🡪Thị trường hàng hóa dịch vụ, Thị trường Sức lao động, Thị trường KHCN, Thị trường tài chính,…

* Thể chế cho các chủ thể tham gia (người chơi):

🡪Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - chính trị, Nhà nước, cá nhân,…

* Thể chế về Các cơ chế vận hành (cách chơi):

🡪Cơ chế vận hành các loại thị trường, cơ chế vận hành các chủ thể tham gia thị trường

* Các bộ quy tắc, chế định pháp luật (luật chơi)

🡪Thể chế chính thức và thể chế không chính thức

* ***Lý do phải hoàn thiện thể chế KTTT ĐH XHCN ở Việt Nam***:
* Do hệ thống thể chế chưa đồng bộ 🡪 do mới hình thành và phát triển
* Do hệ thống thể chế chưa đầy đủ
* Do hệ thống thể chế hoạt động kém hiệu lực, chưa đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại thị trường
* ***Nội dung hoàn thiện thể chế KTTT ĐH XHCN ở Việt Nam***
* Hoàn thiện thể chế về sở hữu (vì quan hệ sở hữu là quan hệ quyết định nhất)
* Hoàn thiện thể chế về phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp (do có nhiều loại hình kinh doanh mới xuất hiện, chưa có thể chế)
* Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường
* Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng XH (phát triển KT đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo đời sống cho đại đa số quần chúng lao động,…)
* Hoàn thiện thể chế thúc đẩy Hội nhập KTQT (học tập tìm hiểu luật kinh tế nhất là luật pháp về kinh tế quốc tế khi tiến hành HN)
* Hoàn thiện thể chế về nâng cao năng lực của hệ thống chính trị (tuyển chọn nhân tài, chống tệ nạn tham ô, tham nhũng,…)

1. **Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam:**

* ***Lợi ích kinh tế:***
* Lợi ích kinh tế: là lợi ích về vật chất, thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người
* Bản chất: Lợi ích kinh tế phản ánh mục đích động cơ của các Quan hệ kinh tế
* Biểu hiện: gắn với chủ thể khác nhau là lợi ích kinh tế khác nhau (chủ doanh nghiệp: lợi nhuận; người lao động: lương, thưởng)
* Nguyên tắc: Gắn với vai trò của các chủ thể khác nhau thì lợi ích kinh tế khác nhau
* Vai trò của Lợi ích kinh tế:

🡪Là động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động KT-XH

🡪Củng cố, duy trì mối quan hệ của các chủ thể

🡪Là cơ sở thúc đẩy các lợi ích khác cùng phát triển

* ***Quan hệ lợi ích kinh tế:***
* QH lợi ích kinh tế:là sự thiết lập tương tác giữa các chủ thể kinh tế 🡪 nhằm mục tiêu xác lập lợi ích kinh tế 🡪 đặt trong mối liên hệ với trình độ phát triển LLSX và Kiến trúc thượng tầng tương ứng
* Sự thống nhất và mâu thuẫn trong các QHLIKT:

**🡪Thống nhất**: chủ thể này là bộ phận cấu thành chủ thể khác 🡪 lợi ích chủ thể này đạt được thì lợi ích chủ thể kia mới đạt được

**🡪Mâu thuẫn**: Lợi ích của chủ thể này có thể ảnh hưởng hoặc làm tổn hại đến lợi ích của chủ thế khác 🡪 nguồn gốc mọi xung đột trong XH

* ***Nhân tố ảnh hưởng QHLIKT:***
* LLSX: trình độ phát triển của LLSX khác nhau thì LIKT khác nhau
* Địa vị chủ thể kinh tế: ở mỗi địa vị khác nhau thì LIKT cũng khác nhau
* Chính sách phân phối thu nhập của Nhà nước
* Hội nhập kinh tế quốc tế
* ***Một số QHLIKT trong nền KTTT:***
* Quan hệ giữa Người lao động – Người sử dụng lao động
* QH giữa người sử dụng lao động - người sử dụng lao động
* QH giữa Người lao động – Người lao động
* QH Lợi ích cá nhân – Lợi ích nhóm – Lợi ích XH
* Những mối quan hệ lợi ích này vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn nhau
* ***Phương thức thục hiện LIKT:***

🡪Theo nguyên tắc thị trường: bằng chính sách phân phối thu nhập theo lao động, theo hiệu quả sản xuất, theo vốn góp,… 🡪hạn chế: phân hóa giàu nghèo

🡪Theo chính sách của Nhà nước và vai trò của các tổ chức XH: đóng thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp 🡪tạo thành quỹ phúc lợi XH 🡪 để khắc phục những hạn chế của nguyên tắc thị trường

* ***Vai trò của Nhà nước trong đả bảo hài hòa các QHLIKT:***
* Bảo vệ lợi ích hợp pháp 🡪tạo môi trường thuận lợi cho tất cả các chủ thể cùng tìm kiếm Lợi ích
* Điều hòa lợi ích cá nhân – doanh nghiệp – XH
* Kiểm soát, ngăn ngừa lợi ích có ảnh hưởng tiêu cục tới XH
* Giải quyết mâu thuẫn trong QHLIKT